TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 950/2026/DS-PT
Ngày: 28 - 7 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Nam.

Các thẩm phán:

1. Ông Trần Quốc Khánh;

2. Ông Huỳnh Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Phạm Thanh Giúp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2026/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2026/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2026, của Toà án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 338/2026/QĐ-PT, ngày 25 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Hà Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ: số 465, đường Lê Duẩn, ấp 1, xã Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; số căn cước công dân: 072171003220 do Cục cảnh sát cấp ngày 11/8/2021, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: chị Trần Thị Hiếu N, sinh năm 1989; địa chỉ: số 465, đường Lê Duẩn, ấp 1, xã Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; số căn cước công dân: 072189000349 do Cục Cảnh sát cấp ngày 14/4/2023 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/10/2025) – có đơn đề nghị vắng mặt.

- *Bị đơn:* bà Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp Thạnh Hiệp, xã Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; số căn cước công dân: 044174080559 do Cục cảnh sát cấp ngày 09/10/2022, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 8B, hẻm 31, đường Trần Hưng Đạo, khu phố 22, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh; số căn cước công dân: 079060002666 do Cục cảnh sát cấp ngày 08/7/2024 (theo

Hợp đồng ủy quyền ngày 05/12/2025), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp Thạnh Hiệp, xã Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; số căn cước công dân: 072069001252 do Cục cảnh sát cấp ngày 23/9/2022, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông C : ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 8B, hẻm 31, đường Trần Hưng Đạo, khu phố 22, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh; số căn cước công dân: 079060002666 do Cục cảnh sát cấp ngày 08/7/2024 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 05/12/2025) – có mặt.

2. Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp Thạnh Hiệp, xã Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; số căn cước công dân: 072096007929, vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Nguyễn Thanh C, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn- bà Trần Thị Hiếu N trình bày:

Bà Hà Thị N và bà Phạm Thị Thúy H, ông Nguyễn Thanh C có mối quan hệ quen biết làm ăn với nhau.

Bà H và ông C có vay tiền của bà Na và còn nợ lại cụ thể như sau:

Ngày 12/12/2022, bà Na cho Bà H vay số tiền 800.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản của anh Nguyễn Thanh L là con trai của bà Hồng; được chuyển khoản thành 02 lệnh chuyển khoản thực hiện cùng ngày 12/12/2022, với nội dung chuyển khoản "C Na ck Hong"; bà Na chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng số tài khoản 050003146259 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) qua tài khoản Bà H số tài khoản 0701000400995 Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank) tên Nguyễn Thanh L là con trai của bà Hồng; Bà H có xác nhận lại việc vay tiền thông qua tin nhắn zalo giữa hai bên.

Hai bên không có viết giấy tay nhận nợ do đã có chuyển khoản và xác nhận tin nhắn zalo, không có thế chấp tài sản gì, hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 1,5%/tháng.

Trước đó, vào ngày 07/11/2022, bà Na cũng có cho Bà H vay số tiền 800.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản nên khi nộp đơn khởi kiện bà Na có sự nhầm lẫn về ngày cho vay, bà Na đã có bản tự khai điều chỉnh lại ngày cho vay phù hợp với khoản nợ Bà H còn nợ.

Ngày 17/01/2023, bà H có chuyển khoản trả tiền lãi cho bà Na số tiền 96.000.000 đồng.

Ngày 04/12/2024, bà H có chuyển trả 500.000.000 đồng tiền vay gốc cho bà Na thông qua hình thức chuyển khoản, nội dung chuyển khoản ghi "PHAM THI THUY HONG tra lai tien muon cho chi na".

Chồng bà H là ông Nguyễn Thanh C có biết việc bà H vay tiền của bà Na và có thỏa thuận hứa hẹn sẽ trả tiền vay cho bà Na.

Nay bà Na yêu cầu Bà H và ông C trả số tiền vay còn thiếu 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/02/2023 đến ngày 04/12/2024 là 21 tháng 22 ngày:

800.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 21 tháng 22 ngày = 254.640.000 đồng.

Từ ngày 04/12/2024, Bà H có gặp bà Na thỏa thuận miệng giảm tiền lãi thì bà Na cũng đồng ý giảm mức lãi suất xuống 1,3%/tháng nên nay bà Na yêu cầu tính lãi từ ngày 04/12/2024 cho đến khi Tòa án xét xử xong với mức lãi suất 1,3%/tháng.

Theo người đại diện theo ủy quyền của bị đơn- ông Nguyễn Văn V trình bày:

Nguyên thời gian trước đây Bà H là người cùng ngụ chung khu phố, có quen biết bà Hà Thị N, trong quá trình làm ăn, nhiều lần Bà H có vay mượn tiền ngắn hạn để cho người khác vay để hưởng chênh lệch, lần sau cùng vào ngày 12/12/2022 Bà H có vay của bà Hà Thị N số tiền 800.000.000 đồng nhưng bà Na không giao tiền trực tiếp cho bà Hồng, mà ngược lại bà Na chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thanh L (quan hệ là con của bà Hồng) tại Ngân hàng VietcomBank cùng một ngày 12/12/2022 lần thứ nhất 400.000.000 đồng lần thứ hai 400.000.000 đồng tổng cộng trước sau 02 lần số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng trong nội dung chuyển tiền có ghi chú là chị Na chuyển cho Hồng mượn:

Nhưng lần thứ nhất vào ngày 20/02/2023 Bà H chuyển trả vào tài khoản của bà Hà Thị N số tiền 48.000.000 đồng lần thứ hai cùng một ngày 45.000.000 đồng + 3.000.000 đồng = 48.000.000 đồng tiếp theo vào ngày 04/11/2024 bà H đã chuyển vào tài khoản trả cho bà N số tiền 500.000.000 đồng tổng cộng đã chuyển trả cho bà Hà Thị N 03 lần số tiền 596.000.000 (Năm trăm chín mươi sáu triệu) đồng. Nhưng chấp nhận trả cho bà Hà Thị N tổng cộng số tiền.

1) Tính lãi từ ngày; 12/12/2022 đến ngày 04/11/2024 tổng cộng 22 tháng tiền lãi: 800.000.000 đồng x 0,83% x 22 tháng = 146.000.000 đồng.

2) Tính lãi từ ngày; 04/11/2024 đến ngày 22/04/2026 tổng cộng 17 tháng 03 ngày 300.000.000 đồng x 0,83% x 17 tháng 03 ngày = 42.579.000 đồng.

Và ông cũng trình bày thêm giữa 02 bên không có văn thỏa thuận lãi suất nên cần thiết áp dụng 10% trên một năm tương đương 0,83%/1 tháng: Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bà H phải trả là 800.000.000 đồng tiến gốc + tiền lãi 146.000.000 đồng lần đầu + tiền lãi đến ngày xét xử là 42.579.000 đồng tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 988.579.000 đồng - 596.000.000 đồng tổng cộng số tiền mà Bà H đã thanh toàn cho bà Na: ông Nguyễn Văn V thừa nhận đến ngày 22/04/2026 bà Phạm Thị Thúy H cùng ông Nguyễn Thanh C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hà Thị N tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là = 392.579.000 (Ba trăm chín mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn) đồng.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh L trình bày:

Ngày 12/12/2022, mẹ ruột của anh là bà Phạm Thị Thúy H có vay của bà Hà Thị N số tiền 800.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của anh với nội dung "C Na ck Hong", anh đã giao số tiền này lại cho mẹ ruột của anh là bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2026/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2026, của

Toà án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N đối với chị bà Phạm Thị Thúy H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Phạm Thị Thúy H và ông Nguyễn Thanh C cùng có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị N số tiền vay gốc 230.666.600 đồng, tiền lãi 287.975.164 đồng, tổng cộng phải trả: 518.641.764 (Năm trăm mười tám triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị N đối với số tiền vay gốc 69.333.400 đồng, tiền lãi 22.602.688 đồng, tổng cộng 91.936.088 đồng.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/5/2026, ông Nguyễn Thanh C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông và bà Phạm Thị Thuý H có nghĩa vụ trả nợ cho bà N số tiền nợ và tiền lãi 392.579.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thanh C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2026/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Thanh C kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ sao kê tài khoản ngân hàng ngày 12/12/2022 thể hiện bà Hà Thị N chuyển khoản số tiền 800.000.000 đồng vào tài khoản của anh Nguyễn Thanh L với nội dung chuyển tiền cho Bà H vay; căn cứ sao kê ngày 04/12/2024 thể hiện bà Phạm Thị Thúy H chuyển trả cho bà Na số tiền 500.000.000 đồng; cùng các tin nhắn trao đổi, biên bản ghi lời khai và sự thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ xác định bà Phạm Thị Thúy H có vay của

bà Hà Thị N số tiền 800.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giữa bà Na và Bà H có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh C thấy rằng: giữa các bên không có văn bản thỏa thuận lãi suất nên chỉ được áp dụng mức lãi suất 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: Hội đồng xét xử xét thấy, với các chứng cứ có trong hồ sơ có căn cứ xác định các bên xác lập việc vay tiền có lãi thông qua việc bà H đã chuyển trả số tiền 96.000.000 đồng cho 02 tháng tiền lãi của số tiền gốc 800.000.000 đồng, như vậy lãi suất tương ứng 6%/01 tháng thỏa thận lãi suất này vượt quá quy định của pháp luật nên nguyên đơn yêu cầu tính lại lãi suất 800.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 21 tháng 22 ngày (12/02/2023 đến ngày 04/12/2024) = 254.640.000 đồng.

Từ ngày 04/12/2024, Bà H có gặp bà N thỏa thuận miệng giảm tiền lãi thì bà N cũng đồng ý giảm mức lãi suất xuống 1,3%/tháng nên nay bà Na yêu cầu tính lãi từ ngày 04/12/2024 cho đến khi Tòa án xét xử xong với mức lãi suất 1,3%/tháng và đối với số tiền lãi bà H đã trả cho bà Na vượt quá được trừ vào tiền gốc là có căn cứ.

[4] Về tiền lãi được tính như sau: 800.000.000 đồng * 20% : 12 tháng * 02 tháng = 26.666.600 đồng.

Số tiền lãi Bà H đã đóng vượt quá: 96.000.000 đồng – 26.666.600 đồng = 69.333.400 đồng.

- Số tiền lãi Bà H chuyển khoản trả dư được trừ vào tiền vay gốc: 800.000.000 đồng – 69.333.400 đồng = 730.666.600 đồng.

Từ ngày 12/02/2023 đến ngày 03/12/2024 (21 tháng 22 ngày) nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 1,5%/tháng là thấp hơn so với quy định nên có cơ sở chấp nhận: Tiền lãi từ ngày 12/02/2023 đến ngày 03/12/2024 (21 tháng 22 ngày): 730.666.600 đồng * 1,5%/tháng * 21 tháng 22 ngày = 238.197.312 đồng.

- Đến ngày 04/12/2024, nguyên đơn trình bày hai bên thỏa thuận mức lãi suất 1,3%/tháng là thấp hơn so với quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận, tiền lãi từ ngày 04/12/2024 đến ngày 22/4/2026 (16 tháng 18 ngày): 230.666.600 đồng * 1,3%/tháng * 16 tháng 18 ngày = 49.777.852 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền lãi bị đơn phải chịu: 238.197.312 đồng + 49.777.852 đồng = 287.975.164 đồng.

Tiền gốc phải trả: 230.666.600 đồng, tổng cộng phải trả: 518,641,764 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Thanh C và bà Phạm Thị Thúy H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hà Thị N số tiền cả gốc và lãi là 518,641,764 đồng là có căn cứ ông C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: do không chấp nhận kháng cáo nên giữ nguyên bản án sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm được giữ nguyên theo bản án sơ thẩm. Ông Nguyễn Thanh C phải

chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2026/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2026, của Toà án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N đối với bà Phạm Thị Thúy H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Phạm Thị Thúy H và ông Nguyễn Thanh C liên đới trả cho bà Hà Thị N số tiền vay gốc 230.666.600 đồng, tiền lãi 287.975.164 đồng, tổng cộng 518.641.764 (năm trăm mười tám triệu, sáu trăm bốn mươi mốt nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N đối với số tiền vay gốc 69.333.400 đồng, tiền lãi 22.602.688 đồng, tổng cộng 91.936.088 (chín mươi mốt triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm tám mười tám) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự), bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Phạm Thị Thúy H và ông Nguyễn Thanh C phải chịu 24.746.000 (hai mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Na phải chịu 4.597.000 (bốn triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tạm ứng án phí 14.320.000 (mười bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012763 ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho bà Na 9.723.000 (chín triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông C đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009501 ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh ghi nhận ông C đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu

lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND khu vực 11 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 11 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nam